

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ**
Tỉnh Bến Tre

Bản án số: **190/2024/DS-ST**

Ngày: 20/9/2024

V/v tranh chấp “*Hợp đồng
mua bán tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sơn
2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 66/2024/TLST-DS ngày 21/02/2024 về tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 206/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 109/2024/QĐST-DS ngày 04/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Duy Q, sinh năm 1997. Địa chỉ thường trú: tP H, xã N Í, huyện N H, tỉnh KH. Địa chỉ liên hệ: Số 74/2, ấp A H B, xã A T, huyện TP, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lê Thị Thùy T, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp T M, xã An, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn X, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1984. Cùng địa chỉ: số 161/2, ấp A T xã A Q, huyện T P, tỉnh Bến Tre. (cùng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 19/02/2024, bản tự khai ngày 18/9/2024; đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 18/9/2024, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trần Duy Q là bà Lê Thị Thùy T trình bày:

Ông Trần Duy Q - Chủ Hộ kinh doanh Cửa hàng thuốc thú y thủy sản M L (sau đây gọi tắt là M L) và ông Huỳnh Văn X và bà Nguyễn Thị M thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm, theo đó M L bán thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú

mang nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc thủy sản theo số lượng đặt hàng của ông Huỳnh Văn X và bà Nguyễn Thị M nuôi tôm, đến cuối vụ ông X và bà M phải thanh toán dứt điểm công nợ cho M L.

Trong quá trình giao dịch, ông X và bà M không thực hiện trả tiền đúng theo thỏa thuận, đến cuối vụ không thanh toán hết công nợ cho M L. Theo Bảng đối chiếu công nợ ngày 13/3/2023 ông X, bà M còn nợ M L số tiền là 146.613.000 (Một trăm bốn mươi sáu triệu sáu trăm mười ba nghìn) đồng. Tuy nhiên, đến ngày 09/9/2024, ông X và bà M có thanh toán cho Minh L được 3.000.000 (Ba triệu) đồng. Vậy tổng công nợ ông Huỳnh Văn X và bà Nguyễn Thị M còn nợ Minh L số tiền 143.613.000 (Một trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm mười ba nghìn) đồng. Ông Trần Duy Quan đã liên hệ nhiều lần yêu cầu ông X và bà M thanh toán nhưng ông X và bà M trốn tránh, hứa hẹn không chịu thanh toán công nợ.

Nay bà T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết như sau: Buộc ông Huỳnh Văn X và bà Nguyễn Thị M phải liên đới thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Duy Q (Chủ Hộ kinh doanh Cửa hàng thuốc thú y thủy sản Minh L) tổng số tiền là 143.613.000 (Một trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm mười ba nghìn) đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Ông Q xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện ông X, bà M với số tiền nợ gốc là 3.000.000 đồng mà ông/bà đã trả cho ông Q.

Vì lý do sức khỏe không thể tham gia tố tụng tại Tòa án được nên bà T yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Huỳnh Văn X, bà Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, không có bản khai với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thư ký: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 217 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 288, 357, 430, 440,

468 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: buộc ông Huỳnh Văn X và bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Duy Quan số tiền 143.613.000 (Một trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm mười ba nghìn) đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Đình chỉ đối với số tiền 3.000.000 đồng do nguyên đơn rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Duy Q tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn ông Huỳnh Văn X, bà Nguyễn Thị M theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Trần Duy Q là bà Lê Thị Thuỳ T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Huỳnh Văn X, bà Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn ông Trần Duy Q với bị đơn ông Huỳnh Văn X, bà Nguyễn Thị M được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung: Ông Trần Duy Q có cung cấp cho Tòa án Bảng chi tiết và xác nhận công nợ thể hiện ông Huỳnh Văn X, bà Nguyễn Thị M có nợ số tiền 146.613.000 (Một trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm mười ba nghìn) đồng nhưng phía nguyên đơn đã thừa nhận ông X, bà M đã trả được cho ông Q (Chủ Hộ kinh doanh Cửa hàng thuốc thú y thủy sản Minh L) số tiền 3.000.000 đồng nên còn nợ lại số tiền 143.613.000 (Một trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm mười ba nghìn) đồng. Nội dung Bảng chi tiết và xác nhận công nợ ghi đầy đủ họ tên, năm sinh, nơi cư trú và số tiền nợ và ký xác nhận nợ. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông X, bà M không đến Tòa án, không có văn bản nêu ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên xem như ông X, bà M đã mặc nhiên thừa nhận nợ số tiền như nguyên đơn khởi kiện nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông Trần Duy Q có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Ông Huỳnh Văn X và bà Nguyễn Thị M có đăng ký kết hôn tại UBND xã AQ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 081/2004 ngày 24/8/2004 nên là vợ chồng hợp pháp. Do đó ông X, bà M phải có trách nhiệm liên đới cùng trả cho ông Q số tiền nợ 143.613.000 (Một trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm mười ba nghìn) đồng.

Nên căn cứ quy định tại các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy Q buộc ông Huỳnh Văn X, bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Duy Q số tiền 143.613.000 (Một trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm mười ba nghìn) đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Q đối với ông X, bà Minh với số tiền nợ gốc là 3.000.000 đồng mà ông/bà đã trả cho ông Q.

[5] Về án phí: Buộc ông X, bà M có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 7.180.650 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 92, 147, 217, 227, 228, 238, khoản 2 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Duy Q. Buộc ông Huỳnh Văn X, bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Duy Q số tiền 143.613.000 (Một trăm bốn mươi ba triệu, sáu trăm mười ba nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Q đối với số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Huỳnh Văn X, bà Nguyễn Thị M có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 7.180.650 (Bảy triệu, một trăm tám mươi nghìn, sáu trăm năm mươi) đồng.

Ông Trần Duy Q được Chi cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.986.000 đồng theo biên lai thu số 0003640, ngày 20 tháng 02 năm 2024.

Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết